ÐẠI HỌC HUẾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ÐẠI HỌC KINH TẾ** **Ðộc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Ban hành theo Quyết định số: 580/QĐ-ĐHKT ngày 22 tháng 10 năm 2020

của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)

**Tên chương trình:** KINH DOANH THƯƠNG MẠI

**Tên chương trình:** COMMERCIAL BUSINESS

**Trình độ đào tạo:** ĐẠI HỌC

**Mã ngành:**  7340121

**Loại hình đào tạo:** CHÍNH QUY

1. Mục tiêu đào tạo

**1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo *Kinh doanh thương mại* hướng đến mục tiêu đào tạo các cử nhân có trí tuệ và nhân cách tốt, có phương pháp tư duy khoa học, năng lực tổ chức và bản lĩnh kinh doanh cao. Cùng với những kiến thức chuyên môn vững chắc, hiện đại, người học có năng lực thực hành cao, có khả năng thích ứng trong môi trường kinh doanh quốc tế, dưới điều kiện làm việc áp lực cao, năng động và sáng tạo, quan hệ giao tiếp tốt, có khả năng tự lập.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên/học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm:

* + ***Kiến thức:*** Được trang bị các kiến thức giáo dục đại cương; các kiến thức chung về lĩnh vực kinh tế và quản lý; các kiến thức chuyên sâu về thương mại nội địa và quốc tế áp dụng trong các doanh nghiệp và các tổ chức quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực thương mại.
	+ ***Kỹ năng:*** Được trang bị các kỹ năng lập luận, tư duy, nghiên cứu, khám phá kiến thức, tổng hợp, dự báo, phân tích, đánh giá để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn; các kỹ năng để sử dụng thành thạo tin học, ngoại ngữ phục vụ cho công tác chuyên môn, và các kỹ năng khác như kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, quản lý, giao tiếp để trở thành nhân sự chuyên nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh thương mại*.*
	+ ***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*** Được đào tạo để trở thành những người có phẩm chất đạo đức tốt; có tinh thần cầu tiến, luôn sẵn sàng học hỏi, thực hiện tốt các nội quy và quy định trong công việc; có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm với xã hội và thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với các vị trí công việc đảm nhận.

**1.2.1. Kiến thức**

***1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương***

(CĐR1) Hiểu và vận dụng được kiến thức về thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, kinh tế chính trị Mác – Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng Hồ Chí Minh và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào cuộc sống và nghề nghiệp.

(CĐR2) Có chứng chỉ Giáo dục thể chất, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp

(CĐR3) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh; vận dụng được các kiến thức quốc phòng – an ninh, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

(CĐR4) Đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và theo Quyết định số 333/QĐ-ĐHH ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định công nhận điểm tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và các cấp độ ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo đại học chính quy tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế.

(CĐR5) Đạt trình độ công nghệ thông tin cơ bản theo Chuẩn kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

(CĐR6) Biết và vận dụng được các kĩ năng: tự chủ, làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo, thuyết trình, giao tiếp và đàm phán, đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.

***1.2.1.2. Kiến thức chung trong lĩnh vực kinh tế và quản lý (Kiến thức của khối ngành)***

(CĐR7) Hiểu và vận dụng được các kiến thức chung về kinh tế học vi mô, vĩ mô vào việc giải thích sự thay đổi của các hiện tượng kinh tế xã hội.

(CĐR8) Hiểu và vận dụng được các nguyên lý quản trị, sản xuất, kế toán và tài chính - tiền tệ vào việc nhận diện các vấn đề kinh doanh phát sinh ở một doanh nghiệp.

(CĐR9) Vận dụng và phân tích được môi trường kinh doanh, cơ cấu tổ chức cũng như các hoạt động quản trị căn bản của doanh nghiệp để hỗ trợ việc ra quyết định quản trị cho một đơn vị kinh doanh cụ thể.

***1.2.1.3. Kiến thức ngành – chuyên ngành***

* **Kiến thức chung của ngành**

(CĐR10) Nắm vững và vận dụng được các công cụ thống kê trong kinh doanh.

(CĐR11) Nắm vững và vận dụng được các kiến thức quản trị trong các lĩnh vực chiến lược, tài chính, marketing, nhân lực và mối quan hệ giữa các lĩnh vực quản trị này trong việc đạt được chiến lược kinh doanh tổng thể của doanh nghiệp.

(CĐR12) Nắm vững và vận dụng quy trình nghiên cứu trong kinh doanh, kỹ thuật phân tích thị trường để tìm ra cơ hội kinh doanh, hoặc hoàn thiện các mô hình kinh doanh hiện có**.**

(CĐR13)Nắm vững và vận dụng các kiến thức về kinh doanh quốc tế và quản trị chuỗi cung trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả và bền vững trong môi trường đa văn hóa và chuỗi cung ứng toàn cầu.

* **Kiến thức chuyên sâu của ngành**

(CĐR14) Vận dụng thành thạo các kiến thức chuyên sâu về hoạt động thương mại nội địa (cách thức tổ chức bán lẻ, quản trị lực lượng bán hàng, quản trị bán hàng, marketing bán lẻ, quản trị kênh phân phối) trong việc phân tích, đánh giá, lập kế hoạch, xây dựng chiến lược, triển khai thực hiện và vận hành các hoạt động này tại doanh nghiệp.

(CĐR15) Vận dụng thành thạo các kiến thức chuyên sâu trong thương mại quốc tế (quản trị xuất nhập khẩu, marketing quốc tế, logistics) để thực hiện các nghiệp vụ xuất nhập khẩu và các nghiệp vụ liên quan trong chuỗi cung ứng quốc tế.

(CĐR16) Nắm vững được kiến thức nền tảng về thương mại điện tử, áp dụng được quy trình marketing và bán lẻ điện tử cho hoạt động kinh doanh trực tuyến của doanh nghiệp trong bối cảnh phát triển của công nghệ số.

(CĐR17) Vận dụng được các kiến thức và nghiệp vụ bổ trợ liên quan như khởi sự doanh nghiệp, quản trị quan hệ khách hàng, quản trị dịch vụ, quản trị dự án, hành vi khách hàng, kế toán quản trị, đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp,…để hỗ trợ hoạt động kinh doanh bền vững tại doanh nghiệp và thực hiện các dự án kinh doanh độc lập.

* **Kiến thức thực tập – tốt nghiệp**

(CĐR18) Vận dụng được các kiến thức đại cương, kiến thức chung và kiến thức chuyên sâu, kỹ năng và phương pháp được học để thực hiện các nghiên cứu về các nghiệp vụ và vấn đề liên quan đến lĩnh vực *Kinh doanh thương mại*.

***1.2.2. Chuẩn về kỹ năng và năng lực thực hành nghề nghiệp***

 (CĐR19) Kỹ năng tư duy hệ thống, phân tích các vấn đề một cách logic, nhìn nhận vấn đề đa chiều dưới nhiều góc độ, và kỹ năng lập luận tư duy, giải quyết vấn đề để đưa ra các đánh giá, giải pháp thích hợp, thỏa đáng cho các tình huống công việc.

(CĐR20) Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức (bao gồm kỹ năng phân tích, tổng hợp tài liệu, bổ sung, cập nhật, phát triển kiến thức, và thực hành tư duy phản biện) trong học tập, nghiên cứu và làm việc để nâng cao hiệu quả công việc.

(CĐR21) Hoạch định các chiến lược, xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh thương mại như: phân tích, đánh giá thị trường, lập kế hoạch, xây dựng và thiết lập chuỗi cung ứng, mua hàng, tồn kho, bán hàng trực tuyến và trực tiếp, xuất nhập khẩu.

(CĐR22) Xác định các tiêu chuẩn đánh giá, thực hiện đánh giá và tiến hành các biện pháp điều chỉnh hoạt động kinh doanh thương mại phù hợp với mục tiêu kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp.

 (CĐR23) Sử dụng thành thạo tin học và ứng dụng của công nghệ thông tin trong kinh doanh.

(CĐR24) Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp kinh doanh và thực hiện các giao dịch thương mại quốc tế.

(CĐR25) Kỹ năng mềm: làm việc theo nhóm, giao tiếp ứng xử, đàm phán, truyền đạt thông tin, thuyết trình, quản lý thời gian hiệu quả và thiết lập quan hệ trong kinh doanh.

***1.2.3. Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm***

(CĐR26) Năng lực tự chủ và trách nhiệm nhiệm cá nhân: Sinh viên thể hiện ý thức chấp hành quy định đào tạo của nhà trường; có tinh thần học hỏi, cầu tiến và sẵn sàng vượt qua khó khăn để học tập và rèn luyện trong môi trường giảng đường và thực tế của nghề nghiệp.

(CĐR27) Năng lực tự chủ và trách nhiệm với nghề nghiệp: Sinh viên thể hiện được thái độ và hành vi ứng xử có văn hoá, chuyên nghiệp trong môi trường nhà trường cũng như công sở, có đạo đức nghề nghiệp với nghề và tinh thần trách nhiệm với công việc đảm nhận.

(CĐR28) Năng lực tự chủ và trách nhiệm với xã hội: Sinh viên thể hiện tinh thần trách nhiệm với xã hội thông qua việc tuân thủ pháp luật và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

**2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và trình độ năng lực yêu cầu**

***2.1. Chuẩn đầu ra***

**Bảng 1: Tổng hợp đánh giá chuẩn đầu ra của Chương trình Kinh doanh thương mại theo các mức trình độ năng lực**

| **Ký hiệu** | **Chủ đề chuẩn đầu ra** | **Trình độ năng lực** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Kiến thức**  |  |
| ***1.1*** | ***Kiến thức, kỹ năng chung trong toàn Đại học Huế*** |  |
| 1.1.1 | Giáo dục chính trị | III |
| 1.1.2 | Giáo dục quốc phòng – an ninh | III |
| 1.1.3 | Giáo dục thể chất | III |
| 1.1.4 | Ngoại ngữ | III |
| 1.1.5 | Công nghệ thông tin | III |
| 1.1.6 | Kỹ năng mềm | III |
| ***1.2*** | ***Kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo*** |  |
| 1.2.1 | Kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, xã hội, toán ứng dụng, công nghệ thông tin, và lý thuyết xác suất | III |
| 1.2.2 | Kiến thức về kinh tế học (kinh tế học vi mô và vĩ mô), các kiến thức cơ bản về quản trị học, nguyên lý kế toán, tài chính | III |
| ***1.3*** | ***Kiến thức chung cho nhóm ngành*** |  |
| 1.3.1 | Kiến thức về thống kê trong kinh tế và kinh doanh | IV |
| 1.3.2 | Kiến thức quản trị trong các lĩnh vực chiến lược, tài chính, marketing, sản xuất, nguồn nhân lực | IV |
| 1.3.3 | Kiến thức về phương pháp nghiên cứu, kinh doanh quốc tế và quản trị chuỗi cung ứng | IV |
| ***1.4***  | ***Kiến thức ngành, chuyên ngành, bổ trợ*** |  |
| 1.4.1 | Kiến thức quản trị và kinh doanh chuyên sâu về bán hàng, bán lẻ phân phối, marketing bán lẻ | V |
| 1.4.2 | Kiến thức chuyên sâu thương mại quốc tế như xuất nhập khẩu, marketing quốc tế, logistics | V |
| 1.4.3 | Kiến thức về quản trị và kinh doanh trong thời kỳ số hóa như thương mại điện tử, bán lẻ điện tử, E-marketing | V |
| 1.4.4 | Kiến thức bổ trợ như tiếng Anh chuyên ngành, phân tích dữ liệu kinh doanh, đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, hệ thống thông tin quản lý, kế toán quản trị, khởi sự doanh nghiệp, hành vi khách hàng, quản trị dịch vụ, quản trị dự án | IV |
| ***1.5*** | ***Kiến thức thực tập và tốt nghiệp*** |  |
|  | Kiến thức về môi trường kinh doanh và hoạt động kinh doanh thực tiễn ở doanh nghiệp và tổ chức  | IV |
| **2** | **Kỹ năng**  |  |
| ***2.1*** | ***Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề*** |  |
|  | Kỹ năng nhận diện các vấn đề kinh tế thị trường có khả năng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để đề xuất các giải pháp giải quyết vấn đề phát sinh | IV |
| ***2.2*** | ***Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức*** |  |
|  | Kỹ năng cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, phân tích và phản biện kiến thức hiện tại, nghiên cứu để phát triển hay bổ sung kiến thức | V |
| ***2.3*** | ***Kỹ năng tư duy hệ thống*** |  |
|  | Kỹ năng phân tích các vấn đề kinh doanh trong tương quan với đối thủ cạnh tranh và nội bộ ngành để xác định được các chiến lược kinh doanh phù hợp. | IV |
| 2.4 | ***Kỹ năng nghề nghiệp*** |  |
| 2.4.1 | Kỹ năng theo dõi và phản ứng với môi trường kinh doanh | IV |
| 2.4.2 | Kỹ năng phân tích, xây dựng, đánh giá và triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh thương mại  | V |
| 2.4.3 | Kỹ năng tìm kiếm, thuyết phục, chăm sóc và xây dựng mối quan hệ với khách hàng  | IV |
| **3** | **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** |  |
| 3.1 | ***Tự chủ và trách nhiệm cá nhân*** |  |
|  | Năng lực tự định hướng, thích nghi với nhiều môi trường, tự tin, cầu tiến và sẵn sàng vượt qua khó khăn. | IV |
| 3.2 | ***Tự chủ và trách nhiệm với nghề nghiệp*** |  |
|  | Thái độ và hành vi ứng xử có văn hoá, có đạo đức nghề nghiệp, năng lực tự học tập, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có năng lực điều hành và tinh thần trách nhiệm với vị trí công việc đảm nhận. | IV |
| 3.3 | ***Tự chủ và trách nhiệm với xã hội*** |  |
|  | Tinh thần trách nhiệm với xã hội và tuân thủ pháp luật, ủng hộ và bảo vệ cái đúng, sáng tạo và đổi mới. | IV |

***2.2. Trình độ năng lực***

| Nhóm | Trình độ năng lực | Mô tả |
| --- | --- | --- |
| 1. Nhớ | 0.0 – 2.0 (I) | Có khả năng tìm kiếm và ghi nhớ |
| 2. Hiểu | 2.0 – 3.0 (II) | Có hiểu biết/ có thể tham gia |
| 3. Vận dụng | 3.0 – 3.5 (III) | Có khả năng vận dụng |
| 4. Phân tích | 3.5 – 4.0 (IV) | Có khả năng phân tích |
| 5. Đánh giá | 4.0 – 4.5 (V) | Có khả năng đánh giá |
| 6. Sáng tạo | 4.5 – 5.0 (VI) | Có khả năng sử dụng thông tin để sáng tạo cái mới |

**3. Đối tượng tuyển sinh:** Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và đào tạo.

4. Thời gian đào tạo: 4 năm

5. Số tín chỉ yêu cầu tối thiểu: 130 tín chỉ

6. Thang điểm:

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ: A, B, C, D, F, I, X.

7. Điều kiện tốt nghiệp:

- Sinh viên tích luỹ tối thiểu 130/164 tín chỉ, trong đó phần bắt buộc 100 tín chỉ và phần tự chọn tối thiểu 30 tín chỉ trong tổng số 64 tín chỉ tự chọn.

- Sinh viên phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về chứng chỉ: Ngoại ngữ Anh văn trình độ B1, hoặc ngoại ngữ tương đương khác theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Đại học Huế; Chứng chỉ giáo dục thể chất; Chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng.

8. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

9. Vị trí việc làm: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực thương mại nội địa, thương mại quốc tế và thương mại trực tuyến ở các cấp bậc khác nhau từ nhân viên/chuyên viên đến cán bộ quản lý. Các bộ phận cụ thể bao gồm:

- Bộ phận kinh doanh nói chung

- Bộ phận thị trường, thương mại, bán hàng và chăm sóc khách hàng

- Bộ phận xuất nhập khẩu

- Bộ phận logistics, cung ứng và quản lý đơn hàng

- Bộ phận kinh doanh trực tuyến, bán hàng qua các hệ thống thương mại điện tử

- Bộ phận nghiên cứu đánh giá thị trường

 Ngoài ra, sinh viên có thể trở thành nhà khởi nghiệp trong lĩnh vực thương mại, chủ các doanh nghiệp vừa và nhỏ; hoặc trở thành nghiên cứu viên, giảng viên về Kinh doanh thương mại trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp.

**10. Khả năng nâng cao trình độ:** Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tiếp tục học lên các bậc cao hơn (thạc sỹ, tiến sỹ) ngành Kinh doanh Thương mại, Thương mại quốc tế, Quản trị Kinh doanh và các ngành học khác thuộc khối ngành kinh doanh và quản lý;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các kiến thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng yêu cầu của vị trí công việc ở đơn vị công tác.

**11. Nội dung chương trình và Kế hoạch dự kiến*:***

| **TT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số Tín chỉ** | **Học kỳ dự kiến** | **Điều kiện tiên quyết (QHTQ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **11.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | **35/39** |  |  |
| **11.1.1. Lý luận chính trị** |  **11/11** |  |  |
| 1 | LLCTTH3 | Triết học Mác-Lênin  | 3 | 1 |   |
| 2 | LLCTKT2 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin  | 2 | 1 | LLCTTH3 |
| 3 | LLCTXH2 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 2 | LLCTTH3 |
| 4 | LTCTTT2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 2 | LLCTKT2 |
| 5 | LLCTLS2 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | 3 | LLCTKT2; LLCTXH2 |
| **11.1.2. Khoa học xã hội – Nhân văn – Nghệ thuật** |  **8/12** |  |  |
| 6 | LUAT1062 | Pháp luật đại cương | 2 | 1 |  |
| 7 | KTPT1012 | Địa lý kinh tế | (2) | 1 |  |
| 8 | KTPT1052 | Khoa học môi trường | (2) | 1 |  |
| 9 | KTPT5192 | Quản lý nhà nước về kinh tế | (2) | 1 |  |
| 10 | DHSP1022 | Tâm lý học đại cương | (2) | 2 |  |
| 11 | DHKH1042 | Xã hội học đại cương | (2) | 2 |  |
| **11.1.3. Ngoại ngữ**  |  **7/7** |  |  |
| 12 | DHNN1012 | Tiếng Anh cơ bản 1 | 2 | 1 |  |
| 13 | DHNN1022 | Tiếng Anh cơ bản 2 | 2 | 2 |  |
| 14 | DHNN1053 | Tiếng Anh cơ bản 3 | 3 | 3 |  |
| **11.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường**  |  **9/9** |  |  |
| 15 | HTTT1053 | Tin học ứng dụng | 3 | 2 |  |
| 16 | HTTT1043 | Toán ứng dụng trong kinh tế | 3 | 1 |  |
| 17 | HTTT1033 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | 3 | 2 | HTTT1053; HTTT1043 |
| **11.1.5. Giáo dục thể chất** |   |   |  |
| **11.1.6. Giáo dục quốc phòng – an ninh**  |   |   |  |
| **11.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP** | **95/125** |  |  |
| **11.2.1 Kiến thức của khối ngành**  | **15/15** |  |  |
| 18 | KTPT2023 | Kinh tế vi mô 1 | 3 | 3 | HTTT1043 |
| 19 | KTPT2033 | Kinh tế vĩ mô 1 | 3 | 3 | HTTT1043 |
| 20 | KTTC2013 | Nguyên lý kế toán | 3 | 3 |   |
| 21 | QTKD3023 | Quản trị học | 3 | 2 |   |
| 22 | KTTC2223 | Tài chính - tiền tệ 1 | 3 | 4 | KTPT2033 |
| **11.2.2 Kiến thức ngành, chuyên ngành**  | **60/72** |  |  |
| ***11.2.2.1. Kiến thức chung của ngành*** | **27/27** |  |  |
| 23 | HTTT3473 | Thống kê trong Kinh tế và Kinh doanh | 3 | 3 | HTTT1033 |
| 24 | QTKD3033 | Quản trị chiến lược | 3 | 4 | KTPT2023; KTPT2033; QTKD3023; QTKD2013 |
| 25 | QTKD3043 | Quản trị nhân lực | 3 | 4 | KTPT2023; KTPT2033; QTKD3023 |
| 26 | QTKD3053 | Quản trị tài chính | 3 | 4 | KTPT2023; KTPT2033 |
| 27 | QTKD4083 | Quản trị marketing | 3 | 4 | QTKD2013 |
| 28 | QTKD2013 | Marketing căn bản | 3 | 3 |   |
| 29 | DHKT2013 | Phương pháp nghiên cứu | 3 | 5 | HTTT1033 |
| 30 | QTKD5243 | Kinh doanh quốc tế | 3 | 5 | QTKD3023; QTKD2013 |
| 31 | QTKD4163 | Quản trị chuỗi cung | 3 | 5 | KTPT2023; QTKD3023 |
| ***11.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành*** | **33/45** |  |  |
| 32 | QTKD4434 | Kỹ năng bán hàng (**\*)** | 4 | 6 | QTKD3273 |
| 33 | QTKD4414 | Quản trị bán lẻ (**\*)** | 4 | 5 | QTKD3023 |
| 34 | QTKD4013 | Quản trị xuất nhập khẩu | 3 | 6 |   |
| 35 | QTKD4444 | Quản trị xuất nhập khẩu nâng cao (\*) | 4 | 7 |   |
| 36 | QTKD5233 | Thương mại điện tử | 3 | 5 |   |
| 37 | QTKD4443 | Quản trị lực lượng bán hàng | (3) | 6 |   |
| 38 | QTKD3233 | Bán lẻ điện tử (**\*)** | (3) | 6 | QTKD5233 |
| 39 | QTKD4203 | Đàm phán kinh doanh | (3) | 5 | QTKD3023; QTKD2013 |
| 40 | QTKD4553 | Logistics | (3) | 6 |   |
| 41 | QTKD4243 | Quản trị kênh phân phối | (3) | 6 |   |
| 42 | QTKD4253 | E-marketing | (3) | 6 | QTKD2013 |
| 43 | QTKD3373 | Quản trị Marketing bán lẻ | (3) | 7 |   |
| 44 | QTKD4343 | Marketing quốc tế | (3) | 5 | KTPT2023; KTPT2033; QTKD2013 |
| 45 | QTKD4173 | Quản trị quan hệ khách hàng (CRM) | (3) | 7 | QTKD2013 |
| **11.2.3. Kiến thức bổ trợ** |  **9/27** |  |  |
| 46 | DHKT2023 | Tiếng anh chuyên ngành | (3) | 4 |   |
| 47 | QTKD3343 | Phân tích dữ liệu kinh doanh | (3) | 6 |   |
| 48 | QTKD5113 | Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp | (3) | 5 |   |
| 49 | HTTT2133 | Hệ thống thông tin quản lý | (3) | 7 | HTTT1053; QTKD3023 |
| 50 | KTKT3013 | Kế toán quản trị 1 | (3) | 7 | KTTC2013 |
| 51 | QTKD5223 | Khởi sự doanh nghiệp | (3) | 7 | QTKD3043 |
| 52 | QTKD4193 | Hành vi khách hàng | (3) | 6 |   |
| 53 | QTKD4133 | Quản trị dịch vụ | (3) | 7 | QTKD3023 |
| 54 | KTPT4653 | Quản lý dự án | (3) | 6 | KTPT2023; KTPT2033 |
| **11.2.4. Thực tập nghề nghiệp**  | **4** |  |  |
| **55** | QTKD5544 | Thực tập nghề nghiệp | 4 | 7 |  |
| **11.2.5. Thực tập cuối khóa**  | **7** |  |  |
| 56 | QTKD5547 | [Khóa luận cuối khóa](https://tacnghiep.hce.edu.vn/CMCSOFT.IU.Web/%28x24zfh45nwgbtjuh3bjzgh45%29/CMCSOFT.IU.TRAININGSYSTEM.WEB/V1_COURSEMANAGEMENT.ASPX) | 7 | 8 |  |
|   |   | **Tổng cộng** | **130/164** |  |  |

***Ghi chú:*** *- Các học phần có dấu ( ) là các học phần tự chọn.*

*- Các học phần có dấu (\*) là các học phần có sự tham gia đào tạo của doanh nghiệp*

*- Chưa tính Giáo dục thể chất và Quốc phòng*

**12. Hướng dẫn thực hiện chương trình:** Sinh viên phải tích luỹ tối thiểu 130/164 tín chỉ, bao gồm:

(a) ***Phần kiến thức giáo dục đại cương:*** Sinh viên phải tích luỹ tối thiểu: **35/39** tín chỉ *(trong đó: phần Bắt buộc: 29 tín chỉ; phần Tự chọn tối thiểu: 6 trong tổng số 10 tín chỉ tự chọn).*

*(b)* ***Phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp***: Sinh viên phải tích lũy tối thiểu **95/125** tín chỉ *(trong đó: phần Bắt buộc: 71 tín chỉ; phần Tự chọn tối thiểu: 24 trong tổng số 54 tín chỉ tự chọn).*

- **Chi tiết:**

*+ Khối kiến thức của khối ngành*: 15 tín chỉ;

*+ Kiến thức chung của ngành:* 27 tín chỉ;

+ Kiến thức chuyên ngành: 33/45 tín chỉ *(trong đó: phần Bắt buộc: 18 tín chỉ; phần Tự chọn tối thiểu: 15 trong tổng số 27 tín chỉ tự chọn);*

*+ Khối kiến thức bổ trợ:* 9/27 tín chỉ tự chọn;

*+ Thực tập nghề nghiệp:* **4** tín chỉ. Sinh viên đi tập nghề nghiệp theo một trong hai hình thức: Toàn thời gian hoặc Bán thời gian;

*+ Thực tập làm Khóa luận cuối khóa:* **7** tín chỉ. Sinh viên đã hoàn thành các học phần thuộc các khối kiến thức theo yêu cầu của Chương trình đào tạo.